

Số: 47/2022/TPS-CV

TP. HCM, ngày 19 tháng 01 năm 2022

CÔNG BỐ THÔNG TIN

TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDC

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong

Mã chứng khoán: ORS

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 03, 75-77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM

Điện thoại: 08.39118014 Fax: 08.39118015

Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Thị Lệ Tùng

Địa chỉ: Tầng 03, 75-77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM

Điện thoại: 08.39118014 Fax: 08.39118015

Loại thông tin công bố: bất thường 24 giờ theo yêu cầu định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính Quý 4 năm 2021
- Thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 4 năm 2021
- Công văn giải trình biến động lợi nhuận Quý 4 năm 2021 so với Quý 4 năm 2020

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 19/01/2022 tại đường dẫn:

<https://tpbs.com.vn/vi/thong-tin-tps/quan-he-co-dong/bao-cao-tai-chinh/tps-cong-bo-bao-cao-tai-chinh-quy-4-nam-2021?postId=1110>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính Quý 4 năm 2021
- Thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 4 năm 2021.
- Giải trình Biến động lợi nhuận Quý 4 năm 2021 so với Quý 4 năm 2020

Người được ủy quyền CBTT *Nguyễn Thị Lệ Tùng*



NGUYỄN THỊ LỆ TÙNG

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

TP.HCM, ngày 19 tháng 01 năm 2022

Số : 010/2021/TPS-CV
V/v: Giải trình biến động lợi nhuận
Quý IV.2021 so với Quý IV.2020

**Kính gửi : ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM**

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc “*Hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán*”, Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong (TPS) giải trình về việc Kết quả kinh doanh Quý IV năm 2021 biến động trên 10% so với kết quả kinh doanh Quý IV năm 2020, cụ thể như sau:

STT	Khoản mục	Quý IV - 2021	Quý IV - 2020	Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
1	Doanh thu	456,786,570,592	140,433,068,051	316,353,502,541	225.27%
	Doanh thu thực hiện	449,806,321,056	139,276,003,827	310,530,317,229	
	Doanh thu đánh giá FVTPL	6,980,249,536	1,157,064,224	5,823,185,312	
2	Chi phí	409,034,789,717	112,743,992,664	296,290,797,053	262.80%
	Chi phí thực hiện	400,893,462,222	111,293,534,834	289,599,927,388	
	Chi phí đánh giá FVTPL	8,141,327,495	1,450,457,830	6,690,869,665	
3	Lợi nhuận trước thuế	47,751,780,875	27,689,075,387	20,062,705,488	72.46%
4	Chi phí thuế TNDN	13,612,047,934	(756,409,649)	14,368,457,583	
5	Lợi Nhuận sau thuế	34,139,732,941	28,445,485,036	5,694,247,905	20.02%

Doanh thu Quý IV – 2021 đạt hơn 456 tỷ đồng, tăng 252.27% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí Quý IV – 2021 đạt hơn 409 tỷ đồng, tăng hơn 262.80% so với cùng kỳ năm trước.

Trong kỳ doanh thu và chi phí tăng chủ yếu từ hoạt động tư vấn tài chính dẫn đến lợi nhuận sau thuế của Quý IV - 2021 đạt được hơn 34 tỷ đồng, tăng 20.02% so với cùng kỳ năm trước.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VP

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG



NGUYỄN THỊ LỆ TÙNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ IV - NĂM 2021

Gồm:

- Báo cáo Tình hình tài chính riêng
- Báo cáo Kết quả hoạt động riêng
- Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng
- Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu
- Thuyết minh báo cáo tài chính riêng
- Công văn giải trình biến động kết quả kinh doanh giữa 2 kỳ báo cáo



BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

(Đơn vị tính: VND)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130)	100		4,730,317,380,074	2,172,960,074,502
I. Tài sản tài chính	110		4,722,602,725,157	2,169,121,731,195
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	1	108,175,805,100	1,002,117,958,872
1.1. Tiền	111.1		108,175,805,100	1,002,117,958,872
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	112	3.a	1,821,154,621,941	450,490,918,650
3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	113	3.b	346,050,000,000	-
4. Các khoản cho vay	114	3.c	1,826,492,808,483	127,817,183,500
7. Các khoản phải thu	117		3,493,454,293	695,000,000
7.1. Phải thu bán các tài sản tài chính	117.1	4a	365,700,000	695,000,000
7.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2	4b	3,127,754,293	-
7.2.1 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận	117.3			-
7.2.2. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4		3,127,754,293	-
8. Trả trước cho người bán	118	4c	42,128,999,749	512,551,667,980
9. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	4d	564,495,669,304	62,742,833,058
12. Các khoản phải thu khác	122	4e	10,611,366,287	12,706,169,135
II. Tài sản ngắn hạn khác	130		7,714,654,917	3,838,343,307
1. Tạm ứng	131			562,451,671
3. Chi phí trả trước ngắn hạn	133	5a	7,664,654,917	1,090,385,434
4. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134	6a	50,000,000	20,000,000
6. Thuế và các khoản phải thu Nhà Nước	136		-	2,165,506,202
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		36,540,092,979	25,603,536,023
I. Tài sản tài chính dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		15,802,016,211	6,956,397,665
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	5,065,947,167	3,230,140,480
- Nguyên giá	222		12,770,114,109	9,118,477,729
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223a		(7,704,166,942)	(5,888,337,249)
3. Tài sản cố định vô hình	227	8	10,736,069,044	3,726,257,185
- Nguyên giá	228		21,000,673,589	10,953,787,564
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229a		(10,264,604,545)	(7,227,530,379)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	240	9	1,871,980,484	425,882,609
V. Tài sản dài hạn khác	250		18,866,096,284	18,221,255,749
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251	6b	4,122,629,317	2,265,293,833
2. Chi phí trả trước dài hạn	252	5b	3,293,014,511	5,501,756,869
3. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	253	10	6,892,491,304	6,353,177,853
4. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	11	4,557,961,152	4,101,027,194
VI. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		4,766,857,473,053	2,198,563,610,525

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU				
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340)	300		2,591,019,141,342	1,238,047,594,567
I. Nợ phải trả ngắn hạn	310		591,019,141,342	238,047,594,567
1. Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn	311	12	346,050,000,000	-
1.1. Vay ngắn hạn	312		346,050,000,000	-
6. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318		66,119,930,930	55,406,916,000
3. Phải trả người bán ngắn hạn	320	13	151,596,500	324,237,500
10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	14	41,433,755,859	7,122,594,274
11. Phải trả người lao động	323		17,410,698,679	8,570,186,519
13. Chi phí phải trả ngắn hạn	325	15	31,346,407,568	33,565,253,669
15. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	327		22,902,578,775	31,151,123,629
17. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	16	65,604,173,031	101,907,282,976
II. Nợ phải trả dài hạn	340		2,000,000,000,000	1,000,000,000,000
4. Trái phiếu phát hành dài hạn	346	17	2,000,000,000,000	1,000,000,000,000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 420)	400		2,175,838,331,711	960,516,015,958
I. Vốn chủ sở hữu	410		2,175,838,331,711	960,516,015,958
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	18	2,000,877,282,000	1,000,000,000,000
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		2,000,000,000,000	1,000,000,000,000
a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		2,000,000,000,000	1,000,000,000,000
1.2. Thặng dư vốn cổ phần	411.2		877,282,000	-
4. Quỹ dự trữ bổ sung Vốn điều lệ	414		7,952,479,231	-
5. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		7,952,479,231	-
7. Lợi nhuận chưa phân phối (Lỗ lũy kế)	417	19	159,056,091,249	(39,483,984,042)
7.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	417.1		164,289,869,119	(45,270,770,467)
- Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện đến cuối kỳ trước	417.1a		(45,270,770,467)	(132,214,676,633)
- Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện phát sinh trong kỳ	417.1b		209,560,639,586	86,943,906,166
7.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		(5,233,777,870)	5,786,786,425
- Lợi nhuận chưa thực hiện đến cuối kỳ trước	417.2a		5,786,786,425	3,464,696,632
- Lợi nhuận chưa thực hiện phát sinh trong kỳ	417.2b		(11,020,564,295)	2,322,089,793
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	420		-	-
TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440 = 300 + 400)	440		4,766,857,473,053	2,198,563,610,525

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

(Đơn vị tính: VND)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
<i>Giá trị theo mệnh giá</i>				
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004	20.1	407,840,282,311	408,234,835,519
6. Cổ phiếu đang lưu hành	006	18	200,000,000	100,000,000
8. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Công ty chứng khoán	008	20.2	288,519,140,000	227,218,270,000
a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		20.2a	288,404,140,000	226,718,270,000
b. Tài sản tài chính chờ thanh toán		20.2b	115,000,000	500,000,000
10. Tài sản tài chính chờ về của CTCK	010	20.2c	10,000	1,511,500,000
12. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	012	20.3	1,204,389,878,000	98,100,000,000
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021	20.4	6,754,373,835,000	3,107,055,785,000
a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		4,630,975,565,000	1,113,855,545,000
d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	021.4		2,005,878,280,000	1,966,554,330,000
e. Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		117,519,990,000	26,645,910,000
3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	023	20.5	415,532,280,500	24,349,090,000
7. Tiền gửi của khách hàng	026		362,210,336,430	182,001,020,004
7.1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027	20.6	362,210,336,430	154,001,020,004
7.4. Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	030	20.7	-	28,000,000,000
8. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	20.8	362,210,336,430	154,001,020,004
8.1. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1		322,286,210,856	153,425,112,018
8.2. Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.2		39,924,125,574	575,907,986
9. Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán	032		-	28,000,000,000
12. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	035	21	1,453,434,659	1,606,627,659



TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 1 năm 2022

LÊ THỊ CHÂU BÁU
Người lập

NGUYỄN THỊ KHÁNH HÒA
Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ LỆ TÙNG
Giám đốc Khối Tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG
QUÝ IV - NĂM 2021

(Đơn vị tính: VND)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021		Năm 2020	
			Quý IV	Lũy kế từ đầu năm	Quý IV	Lũy kế từ đầu năm
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG						
1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		148,703,921,870	356,200,127,037	11,024,595,023	15,431,781,550
a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	01.1	22	94,022,941,637	233,691,667,669	1,943,360,146	4,054,547,038
b. Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	01.2	23	6,980,249,536	9,436,288,017	1,157,064,224	1,157,191,264
c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	01.3	24	47,700,730,697	113,072,171,351	7,924,170,653	10,220,043,248
1.2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02	24	549,965,753	781,363,013		5,753,425
1.3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	25	39,872,817,801	79,015,196,247	870,935,354	1,249,873,023
1.6. Doanh thu môi giới chứng khoán	06	26	27,604,013,132	83,290,643,746	5,526,347,063	18,714,861,029
1.8. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	08	26	11,387,026,949	17,526,317,078	6,343,409,091	6,368,409,091
1.9. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09	26	43,080,383,480	181,745,533,480	6,922,016,845	26,669,182,107
1.10. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10	26	180,450,000,000	623,773,155,291	91,675,000,000	306,470,205,479
1.11. Thu nhập hoạt động khác	11	26	2,627,422,136	3,603,888,975	12,863,117,574	15,215,117,574
Cộng doanh thu hoạt động (20 = 01 --> 11)	20		454,275,551,121	1,345,936,224,867	135,225,420,950	390,125,183,278
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG						
2.1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	21		97,271,730,154	293,133,330,934	5,091,360,912	7,111,954,305
a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	21.1	22	88,962,246,792	271,457,841,995	3,587,136,768	5,221,666,414
b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL	21.2	22, 29	8,141,327,495	20,996,165,763	1,450,457,830	1,771,956,900
c. Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL	21.3	29	168,155,867	679,323,176	53,766,314	118,330,991
2.6. Chi phí hoạt động tự doanh	26	29	196,258,052	215,803,507		144,000,000
2.7. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27	29	23,302,160,018	75,761,393,997	5,712,969,794	11,870,411,833
2.10. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30	29	70,161,645,325	161,266,841,445	20,117,079,198	31,067,004,543
2.11. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31	29	105,475,165,050	252,268,008,137	37,128,731,331	152,912,872,528
Cộng chi phí hoạt động (40 = 21 --> 32)	40		296,406,958,599	782,645,378,020	68,050,141,235	203,106,243,209
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH						
3.2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định	42	27	484,543,054	1,380,133,783	63,984,582	380,759,736
Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50 = 41 --> 44)	50		484,543,054	1,380,133,783	63,984,582	380,759,736
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH						
4.2. Chi phí lãi vay	52	28	59,800,628,642	178,859,236,998	24,738,920,326	41,400,067,222
Cộng chi phí tài chính (60 = 51 --> 55)	60		59,800,628,642	178,859,236,998	24,738,920,326	41,400,067,222
VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	62	30	51,445,853,854	121,226,696,549	19,954,931,103	52,227,427,129
VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70 = 20+50-40 -60-61-62)	70		47,106,653,080	264,585,047,083	22,545,412,868	93,772,205,454

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021		Năm 2020	
			Quý IV	Lũy kế từ đầu năm	Quý IV	Lũy kế từ đầu năm
VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC						
8.1. Thu nhập khác	71	31	2,026,476,417	12,186,908,475	5,143,662,519	9,955,861,771
8.2. Chi phí khác	72	32	1,381,348,622	6,449,022,408		18,506,611
Cộng kết quả hoạt động khác (80= 71-72)	80		645,127,795	5,737,886,067	5,143,662,519	9,937,355,160
IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90=70 + 80)	90		47,751,780,875	270,322,933,150	27,689,075,387	103,709,560,614
9.1. Lợi nhuận đã thực hiện	91		48,912,858,834	281,882,810,896	27,982,468,993	104,324,326,250
9.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	92		(1,161,077,959)	(11,559,877,746)	(293,393,606)	(614,765,636)
X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	100		13,612,047,934	55,877,899,397	(756,409,649)	14,443,564,655
10.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1		9,799,822,436	56,417,212,848	5,532,493,798	17,380,420,084
10.2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2		3,812,225,498	(539,313,451)	(6,288,903,447)	(2,936,855,429)
XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)	200		34,139,732,941	214,445,033,753	28,445,485,036	89,265,995,959
Tổng thu nhập toàn diện	400		34,139,732,941	214,445,033,753	28,445,485,036	89,265,995,959
XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHÓ THỐNG	500		171	1,082	399	1,590
13.1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	501		171	1,082	399	1,590
13.2. Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	502		171	1,082	399	1,590



LÊ THỊ CHÂU BÁU
Người lập

NGUYỄN THỊ KHÁNH HÒA
Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ LỆ TÙNG
Giám đốc Khối Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

MẪU B03-CTCK

(Đơn vị tính: VND)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2021 đến 31/12/2021	Từ 01/01/2020 đến 31/12/2020
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước Thuế Thu nhập doanh nghiệp	01		270,322,933,150	103,709,560,614
2. Điều chỉnh cho các khoản:	02		180,748,665,440	42,408,369,253
- Khấu hao TSCĐ	03		5,728,244,379	1,167,700,570
- Chi phí lãi vay	06		178,859,236,998	41,400,067,222
- (Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư	07		-	18,506,250
- Dự thu tiền lãi	08		(3,838,815,937)	-
- Các khoản điều chỉnh khác	09		-	(177,904,789)
3. Tăng các chi phí phi tiền tệ	10		20,996,165,763	1,771,956,900
- Lỗ đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	11		20,996,165,763	1,771,956,900
4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ	18		(9,436,288,017)	(1,157,191,264)
- Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	19		(9,436,288,017)	(1,157,191,264)
5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	30		(2,687,480,951,308)	(840,596,751,271)
- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	31		(1,382,223,581,037)	(447,244,683,966)
- Tăng (giảm) các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	32		(346,050,000,000)	-
- Tăng (giảm) các khoản cho vay	33		(1,698,675,624,983)	(126,390,802,991)
- (-) Tăng, (+) giảm phải thu bán các tài sản tài chính	35		329,300,000	(695,000,000)
- (-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	36		711,061,644	-
- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	37		(501,752,836,246)	(60,122,405,391)
- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác	39		312,985,077	32,251,464,380
- Tăng (giảm) các tài sản khác	40		-	133,375,729,027
- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41		(19,897,602,405)	66,700,901,742
- Tăng (giảm) chi phí trả trước	42		(4,365,527,125)	1,824,418,183
- (-) Thuế TNDN đã nộp	43		(44,451,884,210)	(19,545,926,286)
- (-) Lãi vay đã trả	44		(150,467,465,764)	(31,498,697,359)
- Tăng (giảm) phải trả cho người bán	45		470,250,027,231	(510,134,343,910)
- Tăng (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	46		-	(845,000)
- Tăng (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47		24,511,339,149	16,429,319
- Tăng (giảm) phải trả người lao động	48		8,840,512,160	7,048,866,519
- Tăng (giảm) phải trả, phải nộp khác	50		955,448,345,201	113,818,144,462
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60		(2,224,849,474,972)	(693,864,055,768)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2021 đến 31/12/2021	Từ 01/01/2020 đến 31/12/2020
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	61		(16,019,960,800)	(6,133,824,709)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	70		(16,019,960,800)	(6,133,824,709)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	71		1,000,877,282,000	600,000,000,000
2. Tiền vay gốc	73		3,410,510,500,000	1,469,859,320,772
2.2 <i>Tiền vay khác</i>	73.2		3,410,510,500,000	1,469,859,320,772
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	74		(3,064,460,500,000)	(484,859,320,772)
3.3 <i>Tiền chi trả gốc nợ vay khác</i>	74.3		(3,064,460,500,000)	(484,859,320,772)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	80		1,346,927,282,000	1,585,000,000,000
IV. Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ	90		(893,942,153,772)	885,002,119,523
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	101	1	1,002,117,958,872	117,115,839,349
- Tiền	101.1		1,002,117,958,872	117,115,839,349
- Các khoản tương đương tiền	101.2		-	-
VI. Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	103	1	108,175,805,100	1,002,117,958,872
- Tiền	103.1		108,175,805,100	1,002,117,958,872
- Các khoản tương đương tiền	103.2		-	-

PHÂN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2021 đến 31/12/2021	Từ 01/01/2020 đến 31/12/2020
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng				
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01		35,932,871,426,831	2,513,795,385,550
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02		(34,215,617,109,002)	(2,055,727,078,000)
7. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07		50,293,025,404,408	2,133,746,778,247
8. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	08		(51,800,058,629,513)	(2,450,197,832,850)
11. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11		(2,011,776,298)	(1,043,805,736)
14. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	14		33,609,603,316,099	4,947,766,798,740
15. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	15		(33,637,603,316,099)	(4,935,966,798,740)
Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ	20		180,209,316,426	152,373,447,211
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng	30		182,001,020,004	29,627,572,793
Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:	31		182,001,020,004	29,627,572,793
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32	20.7	154,001,020,004	13,427,572,793
<i>Trong đó có kỳ hạn:</i>				
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	35	20.8	28,000,000,000	16,200,000,000
III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng (40 = 20 + 30)	40		362,210,336,430	182,001,020,004
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:	41		362,210,336,430	182,001,020,004
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42	20.7	362,210,336,430	154,001,020,004
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	45			28,000,000,000

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 1 năm 2022



LÊ THỊ CHÂU BÁU
Người lập



NGUYỄN THỊ KHÁNH HÒA
Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ LỆ TÙNG
Giám đốc Khối Tài chính

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
QUÝ IV - NĂM 2021

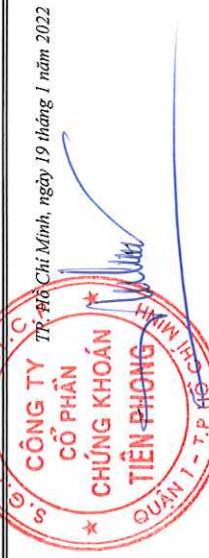
CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm		Số dư cuối kỳ					
		Ngày 01/01/2020	Ngày 01/01/2021	Năm trước	Năm nay	Ngày 31/12/2020	Ngày 31/12/2021				
A	B	1	2	Tăng	Giảm	3	4	5	6	7	8
I. Biến động vốn chủ sở hữu											
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	18	400,000,000,000	1,000,000,000,000	600,000,000,000	-	1,000,877,282,000	-	1,000,000,000,000	2,000,877,282,000		
1.1. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		400,000,000,000	1,000,000,000,000	600,000,000,000	-	1,000,000,000,000	-	1,000,000,000,000	2,000,000,000,000		
1.3. Tăng dự vốn cổ phần		-	-	-	-	877,282,000	-	-	877,282,000		
3. Quỹ dự trữ vốn điều lệ		-	-	-	-	7,952,479,231	-	-	7,952,479,231		
4. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		-	-	-	-	7,952,479,231	-	-	7,952,479,231		
8. Lợi nhuận chưa phân phối	19	(128,749,980,001)	(39,483,984,042)	86,943,906,166	2,322,089,793	209,560,639,586	(11,020,564,295)	(39,483,984,042)	159,056,091,249		
8.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		(132,214,676,633)	(45,270,770,467)	86,943,906,166	-	209,560,639,586	-	(45,270,770,467)	164,289,869,119		
8.2. Lợi nhuận chưa thực hiện		3,464,696,632	5,786,786,425	-	2,322,089,793	-	(11,020,564,295)	5,786,786,425	(5,233,777,870)		
		271,250,019,999	960,516,015,958	686,943,906,166	2,322,089,793	1,226,342,880,048	(11,020,564,295)	960,516,015,958	2,175,838,331,711		



LÊ THỊ CHÂU BÀU
Người lập



NGUYỄN THỊ KHÁNH HÒA
Kế toán trưởng




NGUYỄN THỊ LỆ TÙNG
Giám đốc Khối Tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

MẪU B09-CTCK

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong tên tiếng Anh là Tien Phong Securities Corporation, tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005822 ngày 28 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh và Giấy phép hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 49/UBCK-GPHĐKD ngày 29 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp điều chỉnh các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi như sau:

- Giấy phép điều chỉnh số 72/UBCK-GPĐCCTCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 6 tháng 9 năm 2007, chuẩn y tăng vốn điều lệ từ 60.000.000.000 VND lên 120.000.000.000 VND.
- Giấy phép điều chỉnh số 100/UBCK-GPĐCCTCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28 tháng 12 năm 2007, chuẩn y tăng vốn điều lệ từ 120.000.000.000 VND lên 240.000.000.000 VND.
- Giấy chứng nhận đăng ký Chứng khoán số 152/2010/GCNCP-VSD do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp ngày 02 tháng 7 năm 2010, chuẩn y chứng khoán của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã Chứng khoán là ORS. Ngày 12 tháng 7 năm 2010, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông đã chính thức được niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- Giấy phép điều chỉnh số 30/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14 tháng 11 năm 2014, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật là ông Phan Vũ Tuấn, chức danh Chủ tịch HĐQT.
- Giấy phép điều chỉnh số 46/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 10 năm 2015, chuẩn y việc dời trụ sở về Tầng 14, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Giấy phép điều chỉnh số 12/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 30 tháng 3 năm 2017, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật là bà Phạm Thị Quỳnh Trang, chức danh Chủ tịch Ban Tổng Giám đốc.
- Giấy phép điều chỉnh số 90/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26 tháng 10 năm 2018, chuẩn y việc dời trụ sở về Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Giấy phép điều chỉnh số 07/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 31 tháng 01 năm 2019, chuẩn y việc rút nghiệp vụ kinh doanh tự doanh chứng khoán.
- Giấy phép điều chỉnh số 19/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28 tháng 3 năm 2019, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật là ông Trần Sơn Hải, chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- Giấy phép điều chỉnh số 24/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18 tháng 4 năm 2019, chuẩn y việc các việc sau:

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

✓ Thay đổi tên Công ty từ “Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông” thành “Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong”.

✓ Tăng vốn điều lệ từ 240.000.000.000 VND lên 400.000.000.000 VND.

- Giấy phép điều chỉnh số 11/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 25 tháng 2 năm 2020, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật là ông Trần Sơn Hải, chức danh Tổng Giám đốc.

- Giấy phép điều chỉnh số 14/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 30 tháng 3 năm 2020, chuẩn y các việc sau:

✓ Tăng vốn điều lệ từ 400.000.000.000 VND lên 439.600.000.000 VND.

✓ Cấp phép bổ sung nghiệp vụ kinh doanh: Tự doanh chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán.

- Giấy phép điều chỉnh số 71/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 29 tháng 10 năm 2020, chuẩn y việc thay đổi vốn điều lệ từ 439.600.000.000 VND tăng lên 1.000.000.000.000 VND.

- Giấy phép điều chỉnh số 65/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 06 tháng 8 năm 2021, chuẩn y việc thay đổi vốn điều lệ từ 1.000.000.000.000 VND tăng lên 2.000.000.000.000 VND.

- Giấy phép điều chỉnh số 97/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26 tháng 10 năm 2021, chuẩn y việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính từ Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh sang địa chỉ Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Cổ phiếu ORS của Công ty hủy niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 12 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định số 125/QĐ-SGDHN của Sở Giao dịch Chứng Hà Nội.

Vào ngày 10 tháng 4 năm 2019, cổ phiếu ORS của Công ty được chấp thuận đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 183/QĐ-SGDHN của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Cổ phiếu của Công ty chính thức giao dịch trên thị trường đăng ký giao dịch (UPCom) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 17 tháng 4 năm 2019 theo Thông báo của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội số 376/TB-SGDHN ngày 10 tháng 4 năm 2019.

Vào ngày 07 tháng 10 năm 2021, cổ phiếu ORS của Công ty được chấp thuận đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 550/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Cổ phiếu của Công ty chính thức giao dịch trên thị trường đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 04 tháng 11 năm 2021 theo Thông báo của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh số 1875/TB-SGDHCM ngày 28 tháng 10 năm 2021.

• **Vốn pháp định** : 250.000.000.000 VND

• **Vốn điều lệ** : 2.000.000.000.000 VND

Số cổ phiếu : 200.000.000 cổ phiếu

Mệnh giá : 10.000 VND/cổ phiếu

• **Trụ sở hoạt động**

Địa chỉ : Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Điện thoại : (84-028) 3911 8014

Fax : (84-028) 3911 8015

Mã số thuế : 0 3 0 4 8 1 4 3 3 9

• Chi nhánh

Tên Chi nhánh : Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ : Tầng 12, DOJI Tower, số 5 Lê Duẩn, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

Mã số thuế : 0 3 0 4 8 1 4 3 3 9 - 006

2. Ngành, nghề kinh doanh

Môi giới chứng khoán; Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán.

3. Hạn chế đầu tư của công ty chứng khoán

Theo Điều 28 Thông tư 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 do Bộ Tài chính ban hành về “Quy định về hoạt động của công ty chứng khoán”.

1. Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.

2. Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản theo quy định tại Khoản 1 Điều này và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá 50% giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.

3. Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá 70% vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về giao dịch mua bán lại trái phiếu.

4. Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:

a) Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên 50% vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;

b) Cùng với người có liên quan đầu tư từ 5% trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;

c) Đầu tư quá 20% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;

d) Đầu tư quá 15% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;

đ) Đầu tư hoặc góp vốn quá 10% tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;

e) Đầu tư hoặc góp vốn quá 15% vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;

g) Đầu tư quá 70% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá 20% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.

5. Công ty chứng khoán được thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con. Trong trường hợp này, công ty chứng khoán không phải tuân thủ quy định tại điểm c, d và đ Khoản 4 Điều này. Công ty chứng khoán dự kiến thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con phải đáp ứng các điều kiện sau:

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

a) Vốn chủ sở hữu sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải bằng vốn điều lệ tối thiểu cho các nghiệp vụ kinh doanh công ty đang thực hiện;

b) Tỷ lệ vốn khả dụng sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải đạt 180%;

c) Công ty chứng khoán sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ phải đảm bảo tuân thủ hạn chế vay nợ quy định tại Điều 26 Thông tư này và hạn chế đầu tư quy định tại Khoản 3 Điều này và Điểm e Khoản 4 Điều này.

6. Trường hợp công ty chứng khoán đầu tư vượt quá hạn mức do thực hiện bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, do hợp nhất, sáp nhập hoặc do biến động tài sản, vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán hoặc tổ chức góp vốn, công ty chứng khoán phải áp dụng các biện pháp cần thiết để tuân thủ hạn mức đầu tư theo quy định tại Khoản 2, 3 và 4 Điều này tối đa trong thời hạn 01 năm.

4. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 234 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 125 người).

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 là kỳ kế toán năm thứ 15 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 (“Thông tư 334”) do Bộ Tài chính ban hành về “Sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210”, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của các công ty chứng khoán.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán.

2. Ước tính kế toán

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán yêu cầu Ban Tổng Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày Báo cáo tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán được trình bày tại Các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính (ngoài bảng).

4. Tài sản tài chính

a) Phân loại tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại dựa trên bản chất và mục đích sở hữu vào ngày mua, bao gồm tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay và phải thu.

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Tài sản tài chính FVTPL bao gồm các tài sản tài chính được nắm giữ cho mục đích kinh doanh, hoặc các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL.

Tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được đánh giá lại theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty. Chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL phát sinh sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ trên chỉ tiêu “Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC FVTPL” nếu chênh lệch tăng, hoặc trên chỉ tiêu “Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL” nếu chênh lệch giảm.

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các khoản đầu tư HTM là các tài sản tài chính phi phát sinh có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định mà Công ty có dự định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ các tài sản tài chính phi phát sinh đã được phân loại vào nhóm tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, tài sản tài chính sẵn sàng để bán hoặc nhóm tài sản tài chính phi phát sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản đầu tư HTM được ghi nhận ban đầu theo giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này. Sau khi ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản đầu tư HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính đó trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, trừ về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc xác định, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành áp dụng cho Công ty chứng khoán.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của khoản cho vay đó trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

b) Đánh giá lại các tài sản tài chính

Việc đánh giá lại các tài sản tài chính theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với quy định pháp luật. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, Công ty sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các tài sản tài chính. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được Ban Tổng Giám đốc chấp nhận. Cụ thể:

- Giá trị thị trường của các chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với các chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày Báo cáo tình hình tài chính gần nhất.
- Đối với các chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để đánh giá lại là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại nhưng không quá một tháng tính đến ngày đánh giá lại.
- Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị ghi sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày đánh giá chứng khoán.

c) Ngừng ghi nhận tài sản tài chính

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và:
 - + Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản; hoặc

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- + Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn chưa được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

Trường hợp khoản nợ ghi nhận có hình thức bảo lãnh các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu phải thanh toán.

5. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu bao gồm phải thu từ hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu phí cung cấp dịch vụ môi giới, tư vấn cho nhà đầu tư, lãi dự thu về dịch vụ tài chính, và các khoản phải thu về dịch vụ khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra tại ngày Báo cáo tài chính đối với các khoản nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng Công ty thu thập được các bằng chứng xác định tổ chức kinh tế đã phá, đã mở thủ tục phá sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đối tượng nợ đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được Công ty yêu cầu thi hành án nhưng không thể thực hiện được do đối tượng nợ bỏ trốn khỏi nơi cư trú; khoản nợ đã được Công ty khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 8 tháng 8 năm 2019 như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ trên một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ trên hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

Tăng hoặc giảm dự phòng phải thu khó đòi được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong năm trên khoản mục “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay”.

6. Các hợp đồng mua lại và bán lại

Các hợp đồng mua lại

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên Báo cáo tài chính. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên Báo cáo tình hình tài chính và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được ghi nhận là chi phí lãi và được phân bổ

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

theo phương pháp đường thẳng vào Báo cáo kết quả hoạt động trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

Các hợp đồng bán lại

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên Báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là khoản tài sản trên Báo cáo tình hình tài chính và phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại trong tương lai được ghi nhận là thu nhập lãi và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào Báo cáo kết quả hoạt động trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng bán lại. Đối với các cam kết quá hạn, phần chênh lệch này không được dự thu và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động khi Công ty thực hiện.

7. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Máy móc thiết bị	3 - 5
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6
Thiết bị văn phòng	3

8. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện giá trị phần mềm tin học là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa các phần mềm tin học vào sử dụng. Các phần mềm tin học được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

9. Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận khoản thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Các khoản thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn của hợp đồng thuê.

10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 2 đến 5 năm vào Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ theo phương pháp đường thẳng, bao gồm: chi phí cải tạo văn phòng, chi phí thuê đường truyền dẫn, chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí khác.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Các khoản vay

Các khoản vay được công bố và trình bày theo giá gốc tại ngày Báo cáo tài chính.

12. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán phản ánh khoản tiền ký quỹ Công ty nhận từ các nhà đầu tư để thực hiện các giao dịch mua bán chứng khoán với Sở Giao dịch chứng khoán.

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán còn bao gồm các khoản trả phí hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán cho Sở Giao dịch chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán và các khoản phải trả khác.

13. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn góp của chủ sở hữu từ phát hành cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.
- Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

Lợi nhuận chưa thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc tài sản tài chính khác tính vào báo cáo lãi lỗ của Báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục Tài sản tài chính của Công ty chứng khoán.

Lợi nhuận đã thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

- Các quỹ.

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hằng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 10 năm 2014 như sau:

	Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Mức trích tối đa
Quỹ dự phòng bổ sung Vốn điều lệ	5%	10% Vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5%	10% Vốn điều lệ

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng Cổ đông.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được phê duyệt tại Cuộc họp thường niên của Đại hội đồng Cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các Quy định của pháp luật Việt Nam.

16. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Doanh thu từ đầu tư chứng khoán, góp vốn

Doanh thu từ đầu tư chứng khoán, góp vốn bao gồm các khoản chênh lệch lãi bán chứng khoán tự doanh của CTCK (được ghi nhận dựa trên Thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán) và khoản thu cổ tức cổ phiếu được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở dồn tích, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu tư vấn

Doanh thu từ hoạt động tư vấn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ khi dịch vụ đã được cung cấp, doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và xác định được chi phí cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động lưu ký chứng khoán

Doanh thu hoạt động lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ khi thực thu.

Doanh thu tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi ích mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý, nhượng bán TSCĐ; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí các năm trước; khoản nợ phải trả hay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại và các khoản thu nhập khác.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Chi phí hoạt động

Chi phí hoạt động bao gồm lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, chi phí hoạt động tự doanh và chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ.

Lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính

Lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính phản ánh các khoản lỗ do bán các tài sản tài chính FVTPL, chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL, chi phí dự phòng tài sản tài chính, chi phí đi vay, lỗ từ các khoản cho vay và phải thu và các khoản lỗ, tổn thất về các tài sản thuộc danh mục đầu tư Tài sản tài chính của Công ty chứng khoán, bao gồm: các tài sản tài chính FVTPL, các khoản đầu tư HTM, các khoản cho vay và phải thu

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong năm khi phát sinh.

Chi phí hoạt động tự doanh

Chi phí hoạt động tự doanh phản ánh các chi phí hoạt động của Công ty chứng khoán phát sinh khi tiến hành các dịch vụ mua bán các chứng khoán cho chính mình bằng nguồn vốn của chính Công ty chứng khoán.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân di động để tính giá vốn chứng khoán tự doanh và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu.

Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ

Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ phản ánh các chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ trực tiếp của Công ty chứng khoán, bao gồm: chi phí môi giới chứng khoán, chi phí hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán, chi phí tư vấn, chi phí hoạt động đấu giá, ủy thác, chi phí lưu ký chứng khoán và chi phí khác.

18. Chi phí quản lý Công ty chứng khoán

Chi phí quản lý Công ty chứng khoán dùng để phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty chứng khoán, bao gồm: chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương của nhân viên bộ phận quản lý, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ dụng cụ, khấu hao tài sản cố định, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác dùng cho hoạt động quản lý.

19. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại hiện hành với thuế thu nhập hoãn lại phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

20. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

21. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình cung cấp dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình cung cấp dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tiền	108,175,805,100	1,002,117,958,872
Tiền mặt tại quỹ	6,511,402	8,011,957
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	108,169,293,698	1,002,109,946,915
	108,175,805,100	1,002,117,958,872

2. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ (Cổ phiếu)	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ (VND)
a) Của CTCK	236,155,416	23,024,282,959,485
- Cổ phiếu	21,616,318	740,966,093,400
- Trái phiếu	214,539,098	22,283,316,866,085
b) Của Nhà đầu tư	719,981,606	25,335,710,985,560
- Cổ phiếu	681,152,986	21,598,270,488,100
- Trái phiếu	35,746,920	3,731,524,634,460
- Chứng khoán khác	3,081,700	5,915,863,000
	956,137,022	48,359,993,945,045

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Các loại tài sản tài chính

a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)

Tên tài sản tài chính	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Chứng chỉ tiền gửi	356,961,778,000	356,961,778,000	-	-
CCTG_Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	152,219,178,000	152,219,178,000	-	-
CCTG_Công ty Tài chính TNHH MTV Mirae Asset (Việt Nam)	103,797,300,000	103,797,300,000	-	-
CCTG_Công ty TC TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	100,945,300,000	100,945,300,000	-	-
Cổ phiếu niêm yết	382,668,807,855	385,976,507,050	292,015,659,250	291,390,918,650
Cổ phiếu CTCP Chứng khoán Everest	-	-	21,985,250,000	22,502,550,000
Cổ phiếu CTCP Phân bón Dầu khí Cà Mau	1,368,104	2,936,000	13,625,783,138	14,206,920,000
Cổ phiếu CTCP Tập đoàn Hòa Phát	53,762,910,000	51,040,000,000	-	-
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	35,030,500,000	35,000,000,000	-	-
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Nam Việt	-	-	141,592,000,000	141,592,000,000
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	19,282,895,812	21,451,500,000	-	-
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	108,198,226,881	109,701,653,600	-	-
Cổ phiếu Tập Đoàn Bảo Việt	12,264,500,000	11,200,000,000	-	-
Cổ phiếu Tổng CTCP Thiết bị điện Việt Nam	-	-	114,000,000,000	112,500,000,000
Cổ phiếu CTCP Bamboo Capital	137,645,169,400	141,189,680,200	-	-
Cổ phiếu CTCP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	12,120,000,000	12,625,000,000	-	-
Cổ phiếu Tổng Công ty Dầu Việt Nam	3,550,000,000	3,762,000,000	-	-
Cổ phiếu các Công ty khác	813,237,658	3,737,250	812,626,112	589,448,650
Trái phiếu niêm yết	172,056,295,109	169,788,236,891	-	-
Trái phiếu Tổng Công ty Phát triển Đô Thị Kinh Bắc - KBC121020	35,848,920,000	35,186,831,113	-	-
Trái phiếu Tổng Công ty Phát triển Đô Thị Kinh Bắc - KBC12006	136,207,375,109	134,601,405,778	-	-

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tên tài sản tài chính	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cổ phiếu chưa niêm yết	145,900,000,000	145,900,000,000	143,000,000,000	143,000,000,000
Cổ phiếu CTCP Phát triển Bất Động Sản C30 Tân Bình	140,000,000,000	140,000,000,000	140,000,000,000	140,000,000,000
Cổ phiếu CTCP Vận tải Ô tô Vĩnh Long	3,000,000,000	3,000,000,000	3,000,000,000	3,000,000,000
Cổ phiếu CTCP Đầu tư Vinare	2,900,000,000	2,900,000,000	-	-
Trái phiếu chưa niêm yết	775,694,010,151	762,528,100,000	16,041,650,828	16,100,000,000
Trái phiếu CTCP Hưng Thịnh Land - HTL.2020.06	-	-	16,041,650,828	16,100,000,000
Trái phiếu Công ty TNHH Phúc Khang Đông Sài Gòn - PKĐSG.2020.01	2,101,724,780	2,100,000,000	-	-
Trái phiếu CTCP BCG Land - BCGL.2021.01	16,577,723,632	16,190,100,000	-	-
Trái phiếu CTCP Đầu tư và Dịch vụ HELIOS - HELIOS.2021.01	41,679,019,395	40,498,200,000	-	-
Trái phiếu CTCP Dịch vụ Giải trí Hưng Thịnh Quy Nhơn - HQN.2021.03	202,904,995,599	200,216,600,000	-	-
Trái phiếu CTCP Hưng Thịnh Land - HTL.2021.18	205,020,073,087	200,000,000,000	-	-
Trái phiếu CTCP Tập đoàn Sunshine - BOND.SSG.2021.02	203,798,000,000	200,000,000,000	-	-
Trái phiếu CTCP Chứng khoán DNSE - BOND.DNSE.2021.01	100,000,000,000	100,000,000,000	-	-
Các Trái phiếu chưa niêm yết khác	3,612,473,658	3,523,200,000	-	-
	1,833,280,891,115	1,821,154,621,941	451,057,310,078	450,490,918,650

b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Tiền gửi có kỳ hạn				
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	346,050,000,000	346,050,000,000	-	-
Tổng cộng	346,050,000,000	346,050,000,000	-	-

Tiền gửi có kỳ hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng tại các ngân hàng với lãi suất từ 5%/năm.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty sử dụng tiền gửi có kỳ hạn để đảm bảo cho Hợp đồng vay ngày 20 tháng 12 năm 2021 với Shinhan Bank, Singapore Brach (Xem Thuyết minh V.12)

c) Các khoản cho vay

	<i>Cuối kỳ</i>		<i>Đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị hợp lý</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị hợp lý</i>
Cho vay hoạt động Margin	1,589,434,768,857	1,589,434,768,857	23,283,332,086	23,283,332,086
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán	237,058,039,626	237,058,039,626	104,533,851,414	104,533,851,414
Tổng cộng	1,826,492,808,483	1,826,492,808,483	127,817,183,500	127,817,183,500

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

d) Tình hình biến động các khoản đầu tư theo nhóm do đánh giá lại theo giá trị trường cuối kỳ

Các loại Tài sản tài chính	31.12.2021				01.01.2021					
	Giá mua	Giá trị thị trường	Chênh lệch tăng	Chênh lệch đánh giá giảm	Giá trị đánh giá lại	Giá mua	Giá trị thị trường	Chênh lệch tăng	Chênh lệch đánh giá giảm	Giá trị đánh giá lại
Tài sản FVTPL	1,833,280,891,115	1,821,154,621,941	7,936,823,909	(20,063,093,083)	1,821,154,621,941	451,057,310,078	450,490,918,650	1,157,580,027	(1,723,971,455)	450,490,918,650
Chứng chỉ tiền gửi	356,961,778,000	356,961,778,000	-	-	356,961,778,000					
CCTG_Công ty Tài chính Cổ phần Tin Việt	152,219,178,000	152,219,178,000	-	-	152,219,178,000	-	-	-	-	-
CCTG_Công ty Tài chính TNHH MTV Mirae Asset (Việt Nam)	103,797,300,000	103,797,300,000	-	-	103,797,300,000	-	-	-	-	-
CCTG_Công ty TC TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vương	100,945,300,000	100,945,300,000	-	-	100,945,300,000	-	-	-	-	-
Cổ phiếu niêm yết	382,668,807,855	385,976,507,050	7,936,513,049	(4,628,813,854)	385,976,507,050	292,015,659,250	291,390,918,650	1,099,230,855	(1,723,971,455)	291,390,918,650
Cổ phiếu CTCP Chứng khoán Everest_EVS	-	-	-	-	-	21,985,250,000	22,502,550,000	517,300,000	-	22,502,550,000
Cổ phiếu CTCP Phân bón Đầu Khì Cà Mau_DCM	1,368,104	2,936,000	1,567,896	-	2,936,000	13,625,783,138	14,206,920,000	581,136,862	-	14,206,920,000
Cổ phiếu CTCP Tập đoàn Hòa Phát_HPG	53,762,910,000	51,040,000,000	-	(2,722,910,000)	51,040,000,000	-	-	-	-	-
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam_TCB	35,030,500,000	35,000,000,000	-	(30,500,000)	35,000,000,000	-	-	-	-	-
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Nam Việt_NVNB	-	-	-	-	-	141,592,000,000	141,592,000,000	-	-	141,592,000,000
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tin_STB	19,282,895,812	21,451,500,000	2,168,604,188	-	21,451,500,000	-	-	-	-	-
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vương_VPB	108,198,226,881	109,701,653,600	1,503,426,719	-	109,701,653,600	-	-	-	-	-

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các loại Tài sản tài chính	Giá mua	Giá trị thị trường	31.12.2021		01.01.2021		Giá trị đánh giá lại			
			Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	Giá mua	Giá trị thị trường		Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	
Cổ phiếu Tập Đoàn Bảo Việt_BVH	12,264,500,000	11,200,000,000	-	(1,064,500,000)	11,200,000,000	-	-	-		
Cổ phiếu Tổng CTCP Thiết bị điện Việt Nam_GEX	-	-	-	-	-	114,000,000,000	112,500,000,000	(1,500,000,000)	112,500,000,000	
Cổ phiếu CTCP Bamboo Capital_BCG	137,645,169,400	141,189,680,200	3,544,510,800	-	141,189,680,200	-	-	-		
Cổ phiếu CTCP Dầu tư Phát triển Công nghiệp và Văn tài_TCD	12,120,000,000	12,625,000,000	505,000,000	-	12,625,000,000	-	-	-		
Cổ phiếu Tổng Công ty Dầu Việt Nam_OIL	3,550,000,000	3,762,000,000	212,000,000	-	3,762,000,000	-	-	-		
Cổ phiếu Các Công ty khác	813,237,658	3,737,250	1,403,446	(810,903,854)	3,737,250	812,626,112	589,448,650	793,993	(223,971,455)	589,448,650
Tài phiếu niêm yết	172,056,295,109	169,788,236,891	-	(2,268,058,218)	169,788,236,891	169,788,236,891	169,788,236,891	-	-	-
Tài phiếu Tổng Công ty Phát triển Đô Thị Kinh Bắc_KBC121020	35,848,920,000	35,186,831,113	-	(662,088,887)	35,186,831,113	-	-	-	-	-
Tài phiếu Tổng Công ty Phát triển Đô Thị Kinh Bắc_KBC12006	136,207,375,109	134,601,405,778	-	(1,605,969,331)	134,601,405,778	-	-	-	-	-
Cổ phiếu chưa niêm yết	145,900,000,000	145,900,000,000	-	-	145,900,000,000	143,000,000,000	143,000,000,000	-	143,000,000,000	-
Cổ phiếu CTCP Phát triển Bất Động Sản C30 Tân Bình	140,000,000,000	140,000,000,000	-	-	140,000,000,000	140,000,000,000	140,000,000,000	-	140,000,000,000	-
Cổ phiếu CTCP Văn tài Ô tô Vinh Long	3,000,000,000	3,000,000,000	-	-	3,000,000,000	3,000,000,000	3,000,000,000	-	3,000,000,000	-
Cổ phiếu CTCP Dầu tư Vinare	2,900,000,000	2,900,000,000	-	-	2,900,000,000	-	-	-	-	-
Tài phiếu chưa niêm yết	775,694,010,151	762,528,100,000	310,860	(13,166,221,011)	762,528,100,000	16,041,650,828	16,100,000,000	58,349,172	-	16,100,000,000
Tài phiếu CTCP Hưng Thịnh Land_HTL_2020.06	-	-	-	-	-	16,041,650,828	16,100,000,000	58,349,172	-	16,100,000,000
Tài phiếu Công ty TNHH Phúc Khang Đông Sài Gòn_PKDSG.2020.01	2,101,724,780	2,100,000,000	-	(1,724,780)	2,100,000,000	-	-	-	-	-

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÚNG KHOÁN TIẾN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các loại Tài sản tài chính	31.12.2021				01.01.2021					
	Giá mua	Giá trị thị trường	Chênh lệch tăng	Chênh lệch đánh giá giảm	Giá trị đánh giá lại	Giá mua	Giá trị thị trường	Chênh lệch tăng	Chênh lệch đánh giá giảm	Giá trị đánh giá lại
Trái phiếu CTCP Bất Động sản Khai Hoàn Land_KHL.2020.01	30,383,376	30,000,000	-	(383,376)	30,000,000	-	-	-	-	-
Trái phiếu CTCP BCG Land_BCGL.2021.01	16,577,723,632	16,190,100,000	-	(387,623,632)	16,190,100,000	-	-	-	-	-
Trái phiếu CTCP Đầu tư Hạ Tầng Kỹ thuật TP. HCM_CII.2020.01	615,476	600,000	-	(15,476)	600,000	-	-	-	-	-
Trái phiếu CTCP Đầu tư Hạ Tầng Kỹ thuật TP. HCM_CII052022	821,550,238	791,900,000	-	(29,650,238)	791,900,000	-	-	-	-	-
Trái phiếu CTCP Đầu tư Hạ Tầng Kỹ thuật TP. HCM_CII072022	290,804,850	273,800,000	-	(17,004,850)	273,800,000	-	-	-	-	-
Trái phiếu CTCP Đầu tư Thương mại Dịch vụ Gia Khang_GKC.2021.01	219,739,024	216,400,000	-	(3,339,024)	216,400,000	-	-	-	-	-
Trái phiếu CTCP Đầu tư Thương mại Dịch vụ Gia Khang_GKCC2124002	198,080,484	188,400,000	-	(9,680,484)	188,400,000	-	-	-	-	-
Trái phiếu CTCP Đầu tư và Dịch vụ HELIOS_HELIOS.2021.01	41,679,019,395	40,498,200,000	-	(1,180,819,395)	40,498,200,000	-	-	-	-	-
Trái phiếu CTCP Dịch vụ Giải trí Hưng Thịnh Quy Nhơn_HQN.2021.03	202,904,995,599	200,216,600,000	-	(2,688,395,599)	200,216,600,000	-	-	-	-	-
Trái phiếu CTCP Hưng Thịnh Land_HTL.2019.07	187,611,070	182,900,000	-	(4,711,070)	182,900,000	-	-	-	-	-
Trái phiếu CTCP Hưng Thịnh Land_HTL.2021.18	205,020,073,087	200,000,000,000	-	(5,020,073,087)	200,000,000,000	-	-	-	-	-

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các loại Tài sản tài chính	31.12.2021					01.01.2021				
	Giá mua	Giá trị thị trường	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	Giá trị đánh giá lại	Giá mua	Giá trị thị trường	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	Giá trị đánh giá lại
Trái phiếu CTCP Tập đoàn R&H_RHGCH2123003	1.600.000,000	1.575.200,000	-	(24.800,000)	1.575.200,000	-	-	-	-	-
Trái phiếu CTCP Tập đoàn Sunshine _BOND_SSG.2021.02	203.798.000,000	200.000.000,000	-	(3.798.000,000)	200.000.000,000	-	-	-	-	-
Trái phiếu CTCP Tập đoàn vàng bạc đá quý Doji_DOJI.2021.02	263.689,140	264.000,000	310,860	-	264.000,000	-	-	-	-	-
Trái phiếu CTCP Chứng khoán DNSE _BOND_DNSE.2021.01	100.000.000,000	100.000.000,000	-	-	100.000.000,000	-	-	-	-	-
Tài sản HTM	346.050.000,000	346.050.000,000	-	-	346.050.000,000	-	-	-	-	-
<i>Tiền gửi có kỳ hạn cố định</i>	<i>346.050.000,000</i>	<i>346.050.000,000</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>346.050.000,000</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	346.050.000,000	346.050.000,000	-	-	346.050.000,000	-	-	-	-	-
TSTC cho vay	1.826.492.808,483	1.826.492.808,483	-	-	1.826.492.808,483	127.817.183,500	127.817,183,500	-	-	127,817,183,500
Cho vay hoạt động Margin	1,589,434,768,857	1,589,434,768,857	-	-	1,589,434,768,857	23,283,332,086	23,283,332,086	-	-	23,283,332,086
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán	237,058,039,626	237,058,039,626	-	-	237,058,039,626	104,533,851,414	104,533,851,414	-	-	104,533,851,414
Tổng cộng	4,005,823,699,598	3,993,697,430,424	7,936,823,909	(20,063,093,083)	3,993,697,430,424	578,874,493,578	578,308,102,150	1,157,580,027	(1,723,971,455)	578,308,102,150

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Các khoản phải thu

	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu năm</i>
a) Phải thu bán các tài sản tài chính	365,700,000	695,000,000
- Phải thu bán tài sản tài chính FVTPL	365,700,000	695,000,000
b) Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	3,127,754,293	-
- Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	3,127,754,293	-
c) Trả trước người bán	42,128,999,749	512,551,667,980
d) Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	564,495,669,304	62,742,833,058
Phải thu hoạt động dịch vụ	491,669,304	286,191,058
Phải thu dịch vụ khác	564,004,000,000	62,456,642,000
e) Phải thu khác	10,611,366,287	12,706,169,135
Các khoản phải thu khác	10,611,366,287	12,706,169,135
	620,729,489,633	588,695,670,173

5. Chi phí trả trước

	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu năm</i>
a) Ngắn hạn	7,664,654,917	1,090,385,434
Chi phí thuê đường truyền dẫn	-	441,568,131
Chi phí cải tạo văn phòng	1,923,953,991	-
Chi phí mua bảo hiểm tài sản	-	8,305,051
Chi phí gia hạn, bảo trì phần mềm	1,008,915,753	298,090,812
Chi phí công cụ dụng cụ	2,442,508,647	121,518,349
Chi phí thuê văn phòng	-	131,891,760
Chi phí ngắn hạn khác	2,289,276,526	89,011,331
b) Dài hạn	3,293,014,511	5,501,756,869
Chi phí cải tạo văn phòng	2,228,429,797	3,819,852,990
Chi phí vật dụng văn phòng	985,425,030	1,561,344,581
Chi phí thuê đường truyền dẫn	16,305,142	16,720,000
Chi phí dài hạn khác	62,854,542	103,839,298
	10,957,669,428	6,592,142,303

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược

	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu năm</i>
a) Ngắn hạn	50,000,000	20,000,000
Ký quỹ thuê kho	5,000,000	5,000,000
Ký quỹ thuê máy photo	25,000,000	15,000,000
Ký quỹ dịch vụ	20,000,000	-
b) Dài hạn	4,122,629,317	2,265,293,833
Ký quỹ thuê văn phòng	4,036,629,317	2,179,293,833
Ký quỹ sử dụng taxi	8,000,000	8,000,000
Ký quỹ thuê xe	78,000,000	78,000,000
	4,172,629,317	2,285,293,833

7. Tài sản cố định hữu hình

	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	<i>Thiết bị, dụng cụ quản lý</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	4,683,323,200	940,454,545	3,494,699,984	9,118,477,729
- Mua trong kỳ	4,611,539,400	-	-	4,611,539,400
- Thanh lý, nhượng bán	(270,600,000)	-	(689,303,020)	(959,903,020)
Số dư cuối kỳ	9,024,262,600	940,454,545	2,805,396,964	12,770,114,109
Trong đó:				
Đã khấu hao hết	-	940,454,545	2,805,396,964	3,745,851,509
Hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	1,453,182,720	940,454,545	3,494,699,984	5,888,337,249
Tăng trong kỳ	2,691,170,213	-	-	2,691,170,213
- <i>Khấu hao trong năm</i>	2,691,170,213	-	-	2,691,170,213
Giảm trong kỳ	186,037,500	-	689,303,020	875,340,520
Số dư cuối kỳ	3,958,315,433	940,454,545	2,805,396,964	7,704,166,942
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	3,230,140,480	-	-	3,230,140,480
Tại ngày cuối kỳ	5,065,947,167	-	-	5,065,947,167
Nguyên giá của TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng				
Tại ngày đầu năm	-	940,454,545	3,494,699,984	4,435,154,529
Tại ngày cuối kỳ	-	940,454,545	2,805,396,964	3,745,851,509

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nguyên giá của thiết bị văn phòng bao gồm các phương tiện vận tải và thiết bị đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 3,475,251,509 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 4,435,154,529 VND).

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị các phần mềm giao dịch chứng khoán, phần mềm kế toán của Công ty, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

	<i>Chương trình phần mềm</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	10,953,787,564	10,953,787,564
Tăng trong kỳ	10,046,886,025	10,046,886,025
Số dư cuối kỳ	21,000,673,589	21,000,673,589
<i>Trong đó: Đã khấu hao hết</i>	<i>7,174,617,564</i>	<i>7,174,617,564</i>
Hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	7,227,530,379	7,227,530,379
Khấu hao trong kỳ	3,037,074,166	3,037,074,166
Số dư cuối kỳ	10,264,604,545	10,264,604,545
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	3,726,257,185	3,726,257,185
Tại ngày cuối kỳ	10,736,069,044	10,736,069,044
Nguyên giá của TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		
Tại ngày đầu năm	7,013,017,564	7,013,017,564
Tại ngày cuối kỳ	7,174,617,564	7,174,617,564

Nguyên giá của Tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 7.174.617.564 VND, bao gồm phần mềm Giao dịch chứng khoán và phần mềm kế toán. (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 7.013.017.564 VND).

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu năm</i>
Nâng cấp hệ thống chứng khoán InvestExp V4.0	1,871,980,484	425,882,609
	1,871,980,484	425,882,609

10. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Một số khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được bù trừ theo chế độ kế toán của Công ty cho mục đích lập Báo cáo tài chính:

	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu năm</i>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	8,779,748,907	6,584,616,106
Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL	4,199,233,153	354,391,380
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến doanh thu chưa thực hiện	4,580,515,754	6,230,224,726
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(1,887,257,603)	(231,438,253)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến khoản chênh lệch đánh giá tăng TSTC FVTPL	(1,887,257,603)	(231,438,253)
	6,892,491,304	6,353,177,853

11. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán

	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu năm</i>
Tiền nộp ban đầu	120,000,000	120,000,000
Tiền nộp bổ sung	4,258,022,988	4,168,916,260
Mức đóng góp theo doanh số	456,933,958	50,208,981
Tiền lãi phân bổ	(276,995,794)	(238,098,047)
	4,557,961,152	4,101,027,194

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Ngân hàng Shinhan - Chi nhánh Singapore	346,050,000,000	-
	346,050,000,000	-

Vay ngắn hạn Shinhan Bank, Singapore Branch theo Hợp đồng vay ngày 20 tháng 12 năm 2021 với thời hạn vay tới ngày 05 tháng 12 năm 2022. Công ty sử dụng Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 1229/2021/HĐTĐ ĐCTG ngày 17 tháng 12 năm 2021 để đảm bảo cho khoản vay này (Xem Thuyết minh V.3b).

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Ngắn hạn		
Chi nhánh Công ty TNHH Một thành viên Viễn thông Quốc tế FPT	-	3,300,000
Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Thủ Đô	-	310,395,000
Công ty Cổ Phần COLOR LIFE	-	10,542,500
Công ty Cổ Phần Nội Thất Nhà Tân Khang	151,596,500	-
	151,596,500	324,237,500

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

STT	Chi tiêu	Số dư đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số dư cuối kỳ
1	Thuế thu nhập cá nhân nộp hộ nhà đầu tư	4,661,928,949	151,800,199,691	135,278,759,826	21,183,368,814
2	Thuế thu nhập cá nhân của người lao động	2,423,141,001	36,000,877,344	29,234,508,398	9,189,509,947
3	Thuế giá trị gia tăng	37,524,324	2,528,488,394	1,304,958,056	1,261,054,662
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	54,251,706,646	44,451,884,210	9,799,822,436
5	Lệ phí môn bài	-	4,000,000	4,000,000	-
		7,122,594,274	244,585,272,075	210,274,110,490	41,433,755,859

- **Thuế giá trị gia tăng**

Công ty áp dụng thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất áp dụng

- Hoạt động chính của Công ty không thuộc diện chịu thuế GTGT

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Hoạt động khác chịu thuế suất 10%
- **Thuế thu nhập doanh nghiệp**
 - Hoạt động của công ty thuộc diện chịu thuế suất 20%
- **Các loại thuế khác**
Công ty kê khai và nộp thuế môn bài hàng năm theo qui định.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu năm</i>
Chi phí dịch vụ chuyên môn	34,012,371	21,886,689,192
Phí giao dịch, lưu ký	2,155,307,273	992,335,319
Chi phí lãi trái phiếu	28,078,904,110	9,930,958,904
Chi phí lãi vay	312,867,123	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	765,316,691	755,270,254
	31,346,407,568	33,565,253,669

16. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn

	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu năm</i>
Phải trả cổ tức cho cổ đông của công ty	19,412,500	19,412,500
Phải trả hộ cổ tức cổ phiếu chưa niêm yết	1,453,434,659	1,606,627,659
Phải trả tiền chờ giao dịch trái phiếu	3,278,041,000	93,615,156,761
Phải trả, phải nộp khác	60,853,284,872	6,666,086,056
	65,604,173,031	101,907,282,976

17. Trái phiếu phát hành dài hạn

	<i>Số cuối năm</i>			<i>Số đầu năm</i>		
	<i>Giá trị</i>	<i>Lãi suất</i>	<i>Kỳ hạn</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Lãi suất</i>	<i>Kỳ hạn</i>
Trái phiếu phát hành						
Loại phát hành theo mệnh giá (i)	2,000,000,000,000	9,20%	36 tháng	1,000,000,000,000	9,20%	36 tháng
Cộng	2,000,000,000,000			1,000,000,000,000		

(i) Trái phiếu phát hành theo từng lần như sau:

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ngày 10 tháng 8 năm 2020, Công ty đã phát hành trái phiếu BOND.TPS.2020.01 với tổng giá trị là 200.000.000.000 VND (mệnh giá của mỗi trái phiếu là 100.000 VND) do Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong thu xếp phát hành. Trái phiếu này phải được hoàn trả sau 3 năm với lãi suất là 9,2%/năm, trả lãi định kỳ 3 tháng 1 lần. Công ty đã phát hành thành công trái phiếu này tại ngày 10 tháng 8 năm 2020.

Ngày 13 tháng 8 năm 2020, Công ty đã phát hành trái phiếu BOND.TPS.2020.02 với tổng giá trị là 200.000.000.000 VND (mệnh giá của mỗi trái phiếu là 100.000 VND) do Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong thu xếp phát hành. Trái phiếu này phải được hoàn trả sau 3 năm với lãi suất là 9,2%/năm, trả lãi định kỳ 3 tháng 1 lần. Công ty đã phát hành thành công trái phiếu này tại ngày 17 tháng 8 năm 2020.

Ngày 20 tháng 8 năm 2020, Công ty đã phát hành trái phiếu BOND.TPS.2020.03 với tổng giá trị là 100.000.000.000 VND (mệnh giá của mỗi trái phiếu là 100.000 VND) do Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong thu xếp phát hành. Trái phiếu này phải được hoàn trả sau 3 năm với lãi suất là 9,2%/năm, trả lãi định kỳ 3 tháng 1 lần. Công ty đã phát hành thành công trái phiếu này tại ngày 20 tháng 8 năm 2020.

Ngày 31 tháng 8 năm 2020, Công ty đã phát hành trái phiếu BOND.TPS.2020.04 với tổng giá trị là 250.000.000.000 VND (mệnh giá của mỗi trái phiếu là 100.000 VND) do Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong thu xếp phát hành. Trái phiếu này phải được hoàn trả sau 3 năm với lãi suất là 9,2%/năm, trả lãi định kỳ 3 tháng 1 lần. Công ty đã phát hành thành công trái phiếu này tại ngày 31 tháng 8 năm 2020.

Ngày 31 tháng 8 năm 2020, Công ty đã phát hành trái phiếu BOND.TPS.2020.05 với tổng giá trị là 250.000.000.000 VND (mệnh giá của mỗi trái phiếu là 100.000 VND) do Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong thu xếp phát hành. Trái phiếu này phải được hoàn trả sau 3 năm với lãi suất là 9,2%/năm, trả lãi định kỳ 3 tháng 1 lần. Công ty đã phát hành thành công trái phiếu này tại ngày 7 tháng 9 năm 2020.

Ngày 20 tháng 4 năm 2021, Công ty đã phát hành trái phiếu BOND.TPS.2021.01 với tổng giá trị là 1.000.000.000.000 VND (mệnh giá của mỗi trái phiếu là 100.000 VND) do Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong thu xếp phát hành. Trái phiếu này phải được hoàn trả sau 3 năm với lãi suất là 9,2%/năm, trả lãi định kỳ 3 tháng 1 lần. Công ty đã phát hành thành công trái phiếu này tại ngày 9 tháng 6 năm 2020.

Trong năm, lãi trái phiếu được ghi nhận vào chi phí tài chính

18. Vốn góp của chủ sở hữu

	Cuối kỳ	Đầu năm
Vốn góp của các cổ đông	2,000,000,000,000	1,000,000,000,000
Thặng dư vốn cổ phần	877,282,000	-
Cộng	2,000,877,282,000	1,000,000,000,000
Cổ phiếu		
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	200.000.000	100.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	200.000.000	100.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>200.000.000</i>	<i>100.000.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	200.000.000	100.000.000
Cổ phiếu phổ thông	200.000.000	100.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

19. Lợi nhuận chưa phân phối

	Cuối kỳ	Đầu năm
Lỗ lũy kế đầu năm	(39,483,984,042)	(128,749,980,001)
Thặng dư vốn cổ phần bù đắp lỗ lũy kế	-	-
Lãi/ (lỗ) đã thực hiện đến kỳ báo cáo	209,560,639,586	86,943,906,166
Lãi/ (lỗ) chưa thực hiện đến kỳ báo cáo	(11,020,564,295)	2,322,089,793
	159,056,091,249	(39,483,984,042)

20. Các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính

20.1 Nợ khó đòi đã xử lý

	Cuối kỳ	Đầu năm
Bà Huỳnh Thị Huyền Như	369,800,496,864	370,195,050,072
Phải thu các khoản hỗ trợ thanh toán	38,039,785,447	38,039,785,447
	407,840,282,311	408,234,835,519

20.2 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán (VSD) của CTCK (theo mệnh giá)

a) Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng

	Cuối kỳ	Đầu năm
Sàn HNX	164,000,000,000	167,457,150,000
Sàn HOSE	121,579,810,000	60,148,290,000
Sàn Upcom	2,824,330,000	624,330,000
	288,404,140,000	226,718,270,000

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**b) Tài sản tài chính chờ thanh toán**

	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu năm</i>
Sàn HOSE	115,000,000	500,000,000
	115,000,000	500,000,000

c) Tài sản tài chính chờ về

	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu năm</i>
Sàn HOSE	10,000	1,511,500,000
	10,000	1,511,500,000

20.3 Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK

	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu năm</i>
Cổ phiếu	84,900,000,000	82,000,000,000
Trái phiếu	762,528,100,000	16,100,000,000
Chứng chỉ tiền gửi	356,961,778,000	-
	1,204,389,878,000	98,100,000,000

20.4 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư

	<i>Cuối kỳ</i>		<i>Đầu năm</i>	
	<i>Số lượng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Giá trị</i>
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	463,425,757	4,630,975,565,000	111,385,555	1,113,855,545,000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	200,587,828	2,005,878,280,000	83,262,629	1,966,554,330,000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	6,514,260	117,519,990,000	2,664,591	26,645,910,000
	670,527,845	6,754,373,835,000	197,312,775	3,107,055,785,000

20.5 Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư

	<i>Cuối kỳ</i>		<i>Đầu năm</i>	
	<i>Số lượng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Giá trị</i>
Tài sản tài chính chờ về của nhà đầu tư	41,621,245	415,532,280,500	2,434,909	24,349,090,000
	41,621,245	415,532,280,500	2,434,909	24,349,090,000

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20.6 Tiền gửi của Nhà đầu tư

	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu năm</i>
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		
- Nhà đầu tư trong nước	322,286,210,856	153,425,112,018
- Nhà đầu tư nước ngoài	39,924,125,574	575,907,986
	362,210,336,430	154,001,020,004

20.7 Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán

	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu năm</i>
Công ty CP Sunshine Marina Nha Trang	-	28,000,000,000
	-	28,000,000,000

20.8 Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý

	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu năm</i>
- Nhà đầu tư trong nước	322,286,210,856	153,425,112,018
- Nhà đầu tư nước ngoài	39,924,125,574	575,907,986
	362,210,336,430	154,001,020,004

21. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu

	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu năm</i>
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	1,453,434,659	1,606,627,659
	1,453,434,659	1,606,627,659

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Đơn vị tính: VND

22. Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL

Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Giá bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ trước
I Lãi bán FVTPL						
a) Năm 2021						
a.1) Lãi Quý IV-2021	57,658,517		8,741,736,792,794	8,647,713,851,157	94,022,941,637	
Cổ phiếu niêm yết	6,846,800		273,827,525,000	256,166,507,076	17,661,017,924	
ITA	2,284,300	9,366	21,394,310,000	17,360,507,562	4,033,802,438	
VIC	1,023,200	98,135	100,411,690,000	96,973,342,090	3,438,347,910	
Các Cổ phiếu niêm yết khác	3,539,300		152,021,525,000	141,832,657,424	10,188,867,576	
Trái phiếu niêm yết	6,892,600		770,390,716,300	770,327,050,012	63,666,288	
Trái phiếu chưa niêm yết	43,365,335		4,647,252,884,189	4,577,825,409,011	69,427,475,178	
HQN.2021.04	8,540,709	105,742	903,108,740,000	887,123,306,334	15,985,433,666	
Các trái phiếu chưa niêm yết khác	34,824,626		3,744,144,144,189	3,690,702,102,677	53,442,041,512	
Chứng chỉ tiền gửi	553,782		1,850,262,379,634	1,843,394,885,058	6,867,494,576	
Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng			1,200,003,287,671	1,200,000,000,000	3,287,671	
a.2) Lãi lũy kế đến Quý IV-2021	178,547,270		22,081,924,827,116	21,848,233,159,447	233,691,667,669	
Cổ phiếu niêm yết	38,441,300		1,345,585,552,000	1,248,722,142,549	96,863,409,451	
STB	8,594,100	29,087	249,973,370,000	233,289,614,188	16,683,755,812	
VIC	1,523,200	107,646	163,966,300,000	152,641,862,090	11,324,437,910	
HPG	3,687,600	54,206	199,890,410,000	189,274,515,000	10,615,895,000	

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

<i>Danh mục các khoản đầu tư</i>	<i>Số lượng bán</i>	<i>Giá bán</i>	<i>Tổng giá trị bán</i>	<i>Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch</i>	<i>Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ này</i>	<i>Lãi, lỗ bán chứng khoán lũy kế đến kỳ này</i>	<i>Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ trước</i>
LPP	6,703,500	30,251	202,786,975,000	189,266,773,439	13,520,201,561		
Các Cổ phiếu niêm yết khác	17,932,900		528,968,497,000	484,249,377,832	44,719,119,168		
Trái phiếu niêm yết	28,985,612		3,067,098,079,259	3,062,459,668,906	4,638,410,353		
Trái phiếu chưa niêm yết	109,944,861		11,711,699,022,928	11,593,995,188,633	117,703,834,295		
BCGL.2021.01	6,311,582	105,835	667,988,590,000	652,891,083,396	15,097,506,604		
HQN.2021.03	7,032,807	105,795	744,034,020,000	727,914,088,579	16,119,931,421		
HELIOS.2021.01	5,786,950	105,477	610,390,945,000	599,097,567,072	11,293,377,928		
HTL.2021.18	8,989,820	104,935	943,349,500,000	923,762,147,089	19,587,352,911		
HQN.2021.04	18,928,197	106,072	2,007,749,260,000	1,989,433,517,910	18,315,742,090		
Các trái phiếu chưa niêm yết khác	62,895,505		6,738,186,707,928	6,700,896,784,587	37,289,923,341		
Chứng chỉ tiền gửi	1,175,497		3,757,531,761,970	3,743,056,159,359	14,475,602,611		
Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng			2,200,010,410,959	2,200,000,000,000	10,410,959		
Năm 2020							
b) Lãi Quỹ IV-2020	2,242,778		914,553,000,000	912,609,639,854	1,943,360,146		
Cổ phiếu niêm yết	50,000		695,000,000	671,366,362	23,633,638		
Cổ phiếu chưa niêm yết	1,895,000		30,000,000,000	29,984,177,215	15,822,785		
Trái phiếu chưa niêm yết	297,278		833,858,000,000	832,491,370,277	1,366,629,723		
HTL.2020.06	839	100,000,000	83,900,000,000	83,595,931,961	304,068,039		
BCGL.2020.01	314	100,000,000	31,400,000,000	31,133,629,866	266,370,134		
Các Trái phiếu chưa niêm yết khác	296,125		718,558,000,000	717,761,808,450	796,191,550		
Chứng chỉ tiền gửi	500		50,000,000,000	49,462,726,000	537,274,000		
Lãi lũy kế đến Quý IV-2020	2,252,058		1,842,553,000,000	1,838,498,452,962	4,054,547,038		

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Giá bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán kể đến kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ trước
Cổ phiếu niêm yết	50,000		695,000,000	671,366,362			23,633,638
Cổ phiếu chưa niêm yết	1,895,000		30,000,000,000	29,984,177,215			15,822,785
Trái phiếu chưa niêm yết	306,558		1,761,858,000,000	1,758,380,183,385			3,477,816,615
HTL.2019.07	1,553	100,000,000	155,300,000,000	154,729,338,849			570,661,151
BCGL.2019.01	2,022	100,000,000	202,200,000,000	201,513,572,106			686,427,894
Các trái phiếu chưa niêm yết khác	302,983		1,404,358,000,000	1,402,137,272,430			2,220,727,570
Chứng chỉ tiền gửi	500		50,000,000,000	49,462,726,000			537,274,000
II Lỗ bán FVTPL							
a) Năm 2021							
a.1) Lỗ Quý IV-2021	49,971,636		5,794,430,437,345	5,883,392,684,137	(88,962,246,792)		
Trái phiếu niêm yết	500,000		50,331,000,000	50,430,500,000	(99,500,000)		
Trái phiếu chưa niêm yết	49,366,036		4,996,681,999,345	5,080,291,727,637	(83,609,728,292)		
HQN.2021.04	7,280,752	101,725	740,633,900,000	756,496,850,528	(15,862,950,528)		
HQN.2021.03	3,906,154	101,506	396,498,500,000	406,059,637,975	(9,561,137,975)		
HELIOS.2021.01	4,611,179	103,258	476,141,000,000	485,345,402,759	(9,204,402,759)		
Các trái phiếu chưa niêm yết khác	33,567,951		3,383,408,599,345	3,432,389,836,375	(48,981,237,030)		
Chứng chỉ tiền gửi	105,600	1,468,676,519	747,417,438,000	752,670,456,500	(5,253,018,500)		
a.2) Lỗ lũy kế đến Quý IV-2021	135,383,414		14,374,851,861,765	14,646,309,703,760		(271,457,841,995)	
Cổ phiếu niêm yết	14,278,861		423,460,816,700	467,412,554,522		(43,951,737,822)	
CTG	4,492,906	31,838	143,045,177,200	169,434,740,000		(26,389,562,800)	
Các Cổ phiếu niêm yết khác	9,785,955		280,415,639,500	297,977,814,522		(17,562,175,022)	
Trái phiếu niêm yết	8,402,859		936,881,648,212	937,734,882,909		(853,234,697)	

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

<i>Danh mục các khoản đầu tư</i>	<i>Số lượng bán</i>	<i>Giá bán</i>	<i>Tổng giá trị bán</i>	<i>Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch</i>	<i>Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ này</i>	<i>Lãi, lỗ bán chứng khoán lũy kế đến kỳ này</i>	<i>Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ trước</i>
ANCI1601	1,011,228	100,873	102,005,780,496	102,375,555,115	(369,774,619)	(483,460,078)	
Các Trái phiếu niêm yết khác	7,391,631		834,875,867,716	835,359,327,794	(214,583,660,986)	(26,409,321,318)	(15,822,785)
Trái phiếu chưa niêm yết	112,592,394		11,720,842,509,453	11,935,426,170,439	(214,583,660,986)	(26,409,321,318)	(15,822,785)
BCGL.2021.01	11,593,762	102,140	1,184,190,701,000	1,210,600,022,318	(22,560,828,445)	(165,613,511,223)	(996,401,501)
HTL.2019.04	7,393,000	100,587	743,638,483,796	766,199,312,241	(12,069,208,490)		
Các Trái phiếu chưa niêm yết khác	93,605,632		9,793,013,324,657	9,958,626,835,880			
Chứng chỉ tiền gửi	109,300		1,293,666,887,400	1,305,736,095,890			
Năm 2020							
b.1)							
Lỗ Quý IV-2020	3,239,380		657,121,690,000	660,708,826,768			
Trái phiếu niêm yết	1,970,000		199,121,690,000	199,147,300,000	(3,587,136,768)	(25,610,000)	(15,822,785)
Cổ phiếu chưa niêm yết	1,265,000		20,000,000,000	20,015,822,785			
Trái phiếu chưa niêm yết	4,380		438,000,000,000	441,545,703,983	(3,545,703,983)	(621,772,280)	(996,401,501)
CIIO52022	299		29,900,000,000	30,521,772,280			
HTL.2019.04	1,275		127,500,000,000	128,496,401,501			
Các Trái phiếu chưa niêm yết khác	2,806		280,600,000,000	282,527,530,202			
b.2)							
Lỗ lũy kế đến Quý IV-2020	5,632,311		1,189,335,880,000	1,194,557,546,414			
Trái phiếu niêm yết	4,360,000		438,235,880,000	438,289,970,000	(5,221,666,414)	(54,090,000)	(15,822,785)
Cổ phiếu chưa niêm yết	1,265,000		20,000,000,000	20,015,822,785			
Trái phiếu chưa niêm yết	7,311		731,100,000,000	736,251,753,629	(5,151,753,629)	(1,227,196,799)	(1,300,882,855)
CIIO52022	591		59,100,000,000	60,327,196,799			
HTL.2019.04	2,017		201,700,000,000	203,000,882,855			
Các Trái phiếu chưa niêm yết khác	4,703		470,300,000,000	472,923,673,975	(2,623,673,975)		

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

23. Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính

STT	Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá trị mua theo số kế toán	Giá trị trường hoặc Giá trị hợp lý	Chênh lệch đánh giá tăng/ giảm lũy kế đến kỳ này	Chênh lệch đánh giá tăng/ giảm lũy kể từ đầu năm	Chênh lệch điều chỉnh số kế toán lũy kế đến kỳ này	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm
I	Loại FVTPL	1.833.280,891,115	1.821.154,621,941	(12.126,269,174)	(566,391,428)	(11,559,877,746)	9,436,288,017	(20,996,165,763)
	Cổ phiếu niêm yết	382,668,807,855	385,976,507,050	3,307,699,195	(624,740,600)	3,932,439,795	9,435,977,157	(5,503,537,362)
	Cổ phiếu chưa niêm yết	145,900,000,000	145,900,000,000	-	-	-	-	-
	Trái phiếu niêm yết	172,056,295,109	169,788,236,891	(2,268,058,218)	-	(2,268,058,218)	-	(2,268,058,218)
	Trái phiếu chưa niêm yết	775,694,010,151	762,528,100,000	(13,165,910,151)	58,349,172	(13,224,259,323)	310,860	(13,224,570,183)
	Chứng chỉ tiền gửi	356,961,778,000	356,961,778,000	-	-	-	-	-
II	Loại HTM	346,050,000,000	346,050,000,000	-	-	-	-	-
	Công cụ thị trường tiền tệ	346,050,000,000	346,050,000,000	-	-	-	-	-
III	Các khoản cho vay	1,826,492,808,483	1,826,492,808,483	-	-	-	-	-
		4,005,823,699,598	3,993,697,430,424	(12,126,269,174)	(566,391,428)	(11,559,877,746)	9,436,288,017	(20,996,165,763)

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**24. Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính**

	<i>QUÝ IV - NĂM 2021</i>		<i>QUÝ IV - NĂM 2020</i>	
	<i>Phát sinh trong kỳ</i>	<i>Lũy kế đến kỳ này</i>	<i>Phát sinh trong kỳ</i>	<i>Lũy kế đến kỳ này</i>
Từ tài sản FVTPL	47,700,730,697	113,072,171,351	7,924,170,653	10,220,043,248
Từ các khoản đầu tư HTM	549,965,753	781,363,013	-	5,753,425
Cộng	48,250,696,450	113,853,534,364	7,924,170,653	10,225,796,673

25. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu

	<i>QUÝ IV - NĂM 2021</i>		<i>QUÝ IV - NĂM 2020</i>	
	<i>Phát sinh trong kỳ</i>	<i>Lũy kế đến kỳ này</i>	<i>Phát sinh trong kỳ</i>	<i>Lũy kế đến kỳ này</i>
Cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán	6,014,900,153	13,337,667,555	662,695,981	1,008,597,884
Cho vay ký quỹ	33,857,917,648	65,677,528,692	208,239,373	241,275,139
Cộng	39,872,817,801	79,015,196,247	870,935,354	1,249,873,023

26. Doanh thu ngoài thu nhập tài sản tài chính

	<i>QUÝ IV - NĂM 2021</i>		<i>QUÝ IV - NĂM 2020</i>	
	<i>Kỳ này</i>	<i>Lũy kế đến kỳ này</i>	<i>Kỳ này</i>	<i>Lũy kế đến kỳ này</i>
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	27,604,013,132	83,290,643,746	5,526,347,063	18,714,861,029
Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	11,387,026,949	17,526,317,078	6,343,409,091	6,368,409,091
Doanh thu hoạt động Lưu ký chứng khoán	43,080,383,480	181,745,533,480	6,922,016,845	26,669,182,107
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	180,450,000,000	623,773,155,291	91,675,000,000	306,470,205,479
Doanh thu khác	2,627,422,136	3,603,888,975	12,863,117,574	15,215,117,574
Cộng	265,148,845,697	909,939,538,570	123,329,890,573	373,437,775,280

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**27. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<i>QUÝ IV - NĂM 2021</i>		<i>QUÝ IV - NĂM 2020</i>	
	<i>Kỳ này</i>	<i>Lũy kế đến kỳ này</i>	<i>Kỳ này</i>	<i>Lũy kế đến kỳ này</i>
Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	484,543,054	1,380,133,783	63,984,582	380,759,736
Cộng	484,543,054	1,380,133,783	63,984,582	380,759,736

28. Chi phí hoạt động tài chính

	<i>QUÝ IV - NĂM 2021</i>		<i>QUÝ IV - NĂM 2020</i>	
	<i>Kỳ này</i>	<i>Lũy kế đến kỳ này</i>	<i>Kỳ này</i>	<i>Lũy kế đến kỳ này</i>
Chi phí lãi vay	59,800,628,642	178,859,236,998	24,738,920,326	41,400,067,222
Cộng	59,800,628,642	178,859,236,998	24,738,920,326	41,400,067,222

29. Chi phí hoạt động kinh doanh

	<i>QUÝ IV - NĂM 2021</i>		<i>QUÝ IV - NĂM 2020</i>	
	<i>Kỳ này</i>	<i>Lũy kế đến kỳ này</i>	<i>Kỳ này</i>	<i>Lũy kế đến kỳ này</i>
1 Chi phí hoạt động tự doanh	97,467,988,206	293,349,134,441	5,091,360,912	7,255,954,305
- <i>Lãi bán tài sản tài chính</i>	88,962,246,792	271,457,841,995	3,587,136,768	5,221,666,414
- <i>Chênh lệch đánh giá giảm tài sản tài chính</i>	8,141,327,495	20,996,165,763	1,450,457,830	1,771,956,900
- <i>Chi phí giao dịch mua các Tài sản tài chính</i>	168,155,867	679,323,176	53,766,314	118,330,991
- <i>Chi phí quản lý hoạt động tự doanh</i>	196,258,052	215,803,507	-	144,000,000
2 Chi phí hoạt động môi giới	23,302,160,018	75,761,393,997	5,712,969,794	11,870,411,833
3 Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	105,475,165,050	252,268,008,137	37,128,731,331	152,912,872,528
4 Chi phí lưu ký chứng khoán	70,161,645,325	161,266,841,445	20,117,079,198	31,067,004,543
Cộng	296,406,958,599	782,645,378,020	68,050,141,235	203,106,243,209

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**30. Chi phí quản lý Công ty chứng khoán**

	<i>QUÝ IV - NĂM 2021</i>		<i>QUÝ IV - NĂM 2020</i>	
	<i>Kỳ này</i>	<i>Lũy kế đến kỳ này</i>	<i>Kỳ này</i>	<i>Lũy kế đến kỳ này</i>
Chi phí lương và các khoản phụ cấp	23,667,139,420	64,639,285,735	12,433,159,096	29,708,141,120
Chi phí BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	1,135,749,867	3,398,412,867	1,342,041,364	2,924,330,644
Chi phí vật tư, đồ dùng văn phòng	306,782,362	631,090,931	479,997,703	577,442,831
Chi phí công cụ, dụng cụ	1,140,071,947	2,920,007,996	331,543,033	932,949,882
Chi phí khấu hao TSCĐ	1,550,839,043	3,559,600,888	368,617,099	1,426,833,582
Chi phí thuế, phí và lệ phí	471,264	28,590,412	809,258	100,161,743
Chi phí thuê văn phòng	1,295,499,197	2,618,546,050	1,131,150,589	4,241,972,437
Chi phí kiểm toán, tư vấn, bảo hành phần mềm	138,046,339	676,601,193	259,706,079	580,042,225
Chi phí mua ngoài khác	4,099,582,918	12,213,685,159	1,088,254,111	4,242,257,114
Chi phí khác	18,111,671,497	30,540,875,318	2,519,652,771	7,493,295,551
Cộng	51,445,853,854	121,226,696,549	19,954,931,103	52,227,427,129

31. Thu nhập khác

	<i>QUÝ IV - NĂM 2021</i>		<i>QUÝ IV - NĂM 2020</i>	
	<i>Kỳ này</i>	<i>Lũy kế đến kỳ này</i>	<i>Kỳ này</i>	<i>Lũy kế đến kỳ này</i>
Thu nhập từ thanh lý CCDC, TSCĐ	-	56,982,454	-	-
Thu nhập từ thu hồi Nợ đã xử lý của vụ án Huyện Như	394,553,208	394,553,208	-	4,740,067,475
Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng	1,631,895,434	11,735,343,984	5,143,662,519	5,215,785,616
Thu nhập khác	27,775	28,829	190	8,680
	2,026,476,417	12,186,908,475	5,143,662,519	9,955,861,771

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**32. Chi phí khác**

	QUÝ IV - NĂM 2021		QUÝ IV - NĂM 2020	
	Kỳ này	Lũy kế đến kỳ này	Kỳ này	Lũy kế đến kỳ này
Chi phí thanh lý CCDC	-	67,673,786	-	18,506,250
Chi phí phạt vi phạm hợp đồng	1,378,767,123	1,378,767,123	-	-
Chi phí khác	2,581,499	5,002,581,499	-	361
	1,381,348,622	6,449,022,408	-	18,506,611

THÔNG TIN KHÁC

Một số số liệu của Báo cáo kỳ trước đã được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.

Ngoài thông tin trên, không có các sự kiện khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ báo cáo yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính Quý của Công ty.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 01 năm 2022



LÊ THỊ CHÂU BÁU

Người lập



NGUYỄN THỊ KHÁNH HÒA

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ LỆ TÙNG

Giám đốc Khối Tài chính

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính